

**BỘ QUỐC PHÒNG**

Số: *159* /2006/QĐ- BQP

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2006*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về các khu vực cấm bay**

**BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG**

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 12 tháng 11 năm 1996, đã sửa đổi, bổ sung một số điều ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 30/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Quyết định số 160/2004/QĐ-TTg ngày 06 tháng 9 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc xác định khu vực cấm, địa điểm cấm;

Theo đề nghị của Tổng Tham mưu trưởng,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định các khu cấm bay trên vùng trời nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

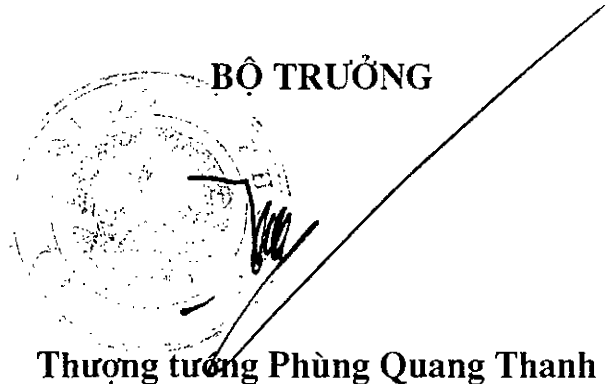
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 144/2004/QĐ-BQP ngày 30 tháng 10 năm 2004.

**Điều 3.** Tổng Tham mưu trưởng, Tư lệnh Quân chủng Phòng không- Không quân, Cục trưởng cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan thi hành Quyết định này.

**Nơi gửi:**

- BTM;
- QCPK-KQ;
- Cục HK VN;
- Trung tâm QL bay DDVN;
- TCT bay dịch vụ VN;
- QCHQ, ~~BT, BQP~~ BQP;
- QK1, 2, 3, 4, 5, 7, 9, TĐ;
- QĐ1, 2, 3, 4;
- C51;
- Lưu: VT, NCTh, Th (20b).

**BỘ TRƯỞNG**



Thượng tướng Phùng Quang Thanh

**QUY ĐỊNH CÁC KHU VỰC CẤM BAY**

**Trong vùng trời nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

*(Ban hành kèm theo quyết định số: 159 /2006/QĐ-BQP ngày 15 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)*

**I. Khu vực cấm 1 (Khu vực Thủ đô Hà Nội):**

1. Giới hạn ngang: Phạm vi 5 điểm có toạ độ:

Điểm 1: 21° 06' 22" N-105° 48' 10" E; Điểm 2: 21° 01' 21" N-105° 52' 20" E.  
Điểm 3: 21° 00' 25" N-105° 51' 24" E; Điểm 4: 20° 58' 56" N- 105° 46' 42" E.  
Điểm 5: 21° 01' 30" N-105° 43' 18" E.

2. Giới hạn cao: Từ mặt đất đến vô cùng.

3. Thời gian cấm: 24/24 giờ trong ngày.

**II. Khu vực cấm 2 (Khu vực thành phố Hải Phòng):**

1. Giới hạn ngang: Phạm vi 4 điểm có toạ độ:

Điểm 1: 20° 53' 48" N-106° 41' 05" E; Điểm 2: 20° 53' 00" N-106° 44' 10" E.  
Điểm 3: 20° 49' 35" N-106° 40' 20" E; Điểm 4: 20° 50' 30" N-106° 39' 50" E.

2. Giới hạn cao: Từ mặt đất đến 1500 m.

3. Thời gian cấm: 24/24 giờ trong ngày.

**III. Khu vực cấm 3 (Khu vực thành phố Đà Nẵng):**

1. Giới hạn ngang: Phạm vi 4 điểm có toạ độ:

Điểm 1: 16° 05' 00" N-108° 13' 40" E; Điểm 2: 16° 02' 50" N-108° 13' 10" E.  
Điểm 3: 16° 02' 50" N-108° 12' 25" E; Điểm 4: 16° 04' 18" N-108° 12' 25" E.

2. Giới hạn cao: Từ mặt đất đến 1500 m.

3. Thời gian cấm: 24/24 giờ trong ngày.

**IV. Khu vực cấm 4 (Khu vực thành phố Hồ Chí Minh):**

1. Giới hạn ngang:

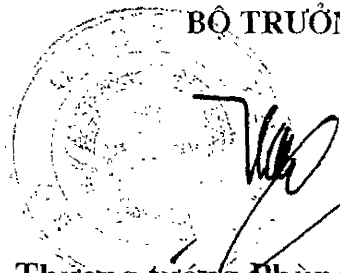
Điểm 1: 10° 47' 50" N-106° 38' 20" E; Điểm 2: 10° 49' 20" N-106° 44' 40" E.  
Điểm 3: 10° 43' 45" N-106° 38' 35" E.Điểm 4: 10° 45' 12" N-106° 42' 22" E.

2. Giới hạn cao: Từ mặt đất đến 3000 m.

3. Thời gian cấm: 24/24 giờ trong ngày.

**V. Các toạ độ nêu trong văn bản này tính theo hệ toạ độ WGS-84.**

BỘ TRƯỞNG



Thượng tướng Phùng Quang Thanh